

Bản án số: 209/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - 1. Ông Hoàng Văn Hải
  - 2. Bà Đỗ Thị Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án Tòa án ND huyện Hoàng Hóa
- *Đại diện Viện KSND huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Xuân Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Hoàng Th, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2022, bản tự khai ngày 17/6/2022 của nguyên đơn chị Cao Thị L như sau:*

Tôi(L) và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Sau khi cưới vợ chồng về sống với nhau bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N không tu chí làm ăn, chơi bời, không chăm lo cho gia đình, mặc dù tôi và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị tòa

án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Về con: Tôi (L) và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục nuôi cả hai cháu. Hiện tôi đang làm công nhân Công ty delta mức thu nhập mỗi tháng từ 7 đến 9 triệu đồng.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn N:* Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Nguyễn Thị Ái (mẹ đẻ anh N) và bà Ái cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh N.

*Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Ái ngày 17/6/2022 thể hiện:*

Con tôi là Nguyễn Văn N và chị Cao Thị L tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Th cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Sau khi cưới chị L và anh N về sống cùng gia đình tôi. Khi chung sống chị L và anh N cũng có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn N cũng có biết và trao đổi là không thể níu kéo tình cảm vợ chồng. Quan điểm của bà Ái việc ly hôn là của các con, tôi không can thiệp.

Hiện nay anh N không có công ăn việc làm ổn định, nên không có giờ giấc cụ thể để đến Tòa án làm việc. Nay tôi sẽ nhận thay các văn bản tố tụng cho con trai tôi và cam đoan giao tận tay cho N .

Về con chung: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015, Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019, từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi hai cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng, anh N cũng đồng ý theo nguyện vọng của chị L đồng ý giao hai cháu An, Ngọc cho chị L trực tiếp nuôi con; Về cấp dưỡng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc về tình trạng hôn nhân ngày 17/6/2022 với UBND xã Hoàng Th thể hiện: Anh Nguyễn Văn N kết hôn với chị Cao Thị L năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Th theo giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 23/10/2015. Anh N có Hộ khẩu thường trú tại địa phương. Sau khi cưới cuộc sống chung giữa anh N và chị L có một vài mâu thuẫn Nguyên nhân là gì địa phương không nắm bắt được, gia đình cũng không báo cáo. Anh N là lao động tự do tại địa phương, hiện nay đang ở cùng gia đình bà Nguyễn Thị Ái tại xã Hoàng Th, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị L và anh N có 02 con chung: Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019 cả hai cháu hiện nay đang ở với chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ việc chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các điều 48 BLTTDS; Về thẩm quyền thụ lý theo khoản 3 điều 28 BLTTDS; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điều 68 BLTTDS.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân xảy ra tranh chấp; việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại điều 93,94,95,96,97,98 BLTTDS. Về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:*

HĐXX, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn chị Cao Thị L đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày 30/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại Điều 72 của BLTTDS.

*Về việc giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoằng Th huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Theo chị L khai sau khi kết hôn được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Mặc dù gia đình đã khuyên bảo nhưng vẫn không được. Chị L gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Hiện chị L đang làm công nhân Công ty Delta mức thu nhập mỗi tháng từ 7 triệu đến 9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trên cơ sở căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật HNGĐ xử cho chị Cao Thị Lựu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019. Nguyên vọng của chị L được tiếp tục nuôi hai cháu. Từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu ở với chị, chị chăm sóc nuôi dưỡng các cháu phát triển tốt, hai cháu đang còn nhỏ. Do đó, Đề nghị HĐXX xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao hai cháu Nguyễn Thị Thanh An và cháu Nguyễn Thị Thanh Ngọc cho chị tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản công nợ: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015; Điểm a khoản 5 Điều; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Cao Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N có địa chỉ tại xã Hoằng Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn N được triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc nhưng anh N không có mặt. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị Ái (mẹ đẻ anh N) và chính quyền UBND xã Hoằng Thanh, anh N có hộ khẩu thường trú tại UBND xã Hoằng Th, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, anh N là lao động tự do tại địa phương, không có nơi làm việc ổn định, không khai báo tạm vắng hoặc khai báo thay đổi nơi cư trú, thường xuyên đi về ở cùng với gia đình bà Nguyễn Thị Ái. Anh N không cho gia đình biết về việc anh làm ăn hiện nay ở đâu. Đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ của bị đơn, do đó Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho bà Ái (mẹ đẻ anh N) và bà cam đoan có trách nhiệm giao thông báo lại cho anh N.

Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương UBND xã Hoằng Thanh xác nhận: Chị Cao Thị L và Nguyễn Văn N

tự nguyện kết hôn được UBND xã Hoàng Th cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không nắm bắt được, vì gia đình không báo cáo. Vợ chồng anh chị có 02 con chung Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019, kể từ khi vợ chồng sống ly thân hai cháu ở với chị L cho đến nay.

Tại phiên tòa ngày 12/7/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau chỉ hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hòa giải được, mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau thể hiện tình cảm anh chị thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị L đối với anh Nguyễn Văn N là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung, Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu An và cháu Ngọc và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Cao Thị L HĐXX thấy rằng: Cháu Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị L, chị đảm bảo cho cháu ăn học và phát triển tốt, cả hai cháu đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Nay ly hôn anh N đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L. Giao cháu Nguyễn Thị Thanh An, Nguyễn Thị Thanh Ngọc cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Anh N có quyền qua lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

*Về hôn nhân:* Chị Cao Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

*Về con:* Công nhận 02 cháu Nguyễn Thị Thanh An, sinh ngày 30/10/2015; Nguyễn Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 9/01/2019 là con chung của chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N. Giao cháu An, Ngọc cho chị Lưu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về pháp luật. Anh N có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*Về cấp dưỡng:* Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết.

*Về tài sản và công nợ:* Chị Cao Thị L và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết.

*Về án phí:* Chị Cao Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0010817 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Chị L đã thi hành xong tiền án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn chị Cao Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoàng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoàng Hóa;
- UBND xã Hoàng Th;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Phương**

